TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-DS	*Trà Vinh, ngày 06 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Văn Sel

2. Ông Nguyễn Trung Vẹn

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 22/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1968 (vắng mặt);

2. Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt);

3. Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1972 (vắng mặt);

4. Chị Đỗ Thị Hồng T, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975; địa chỉ số 200, đường Phan Đình P, khóm H, phường B, thành phố V, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền 08/10/2019 (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Chị Tô Thị C, sinh năm 1981 (có mặt);

2. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1980 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949 (vắng mặt);

2. Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1977 (vắng mặt);

3. Chị Đỗ Thị Bé E, sinh năm 1982 (vắng mặt);

4. Anh Đỗ Văn G, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H, anh Đỗ Văn P, chị Đỗ Thị Bé E, anh Đỗ Văn G: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975; địa chỉ số 200, đường Phan Đình P, khóm H, phường B, thành phố V, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền 08/10/2019 (có mặt).

5. Chị Đỗ Thị Mộng N, sinh năm 1990; địa chỉ 2896 5 MILE RD NE GRAND RAPIDS, MI 49525 U (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị Đỗ Thị Mộng N: Chị Đỗ Thị Bé E, sinh năm 1982; địa chỉ ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2019 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Anh Phạm Trường A, sinh năm 1978; địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/02/2011 được xác lập giữa bên chuyển nhượng ông Đõ Văn M, bà Nguyễn Thị H, anh Đỗ Văn Đ, anh Đỗ Văn P, chị Đỗ Thị Bé E, anh Đỗ Văn G, chị Đỗ Thị Mộng N và bên nhận chuyển nhượng anh Nguyễn Văn T1, chị Tô Thị C, chứng thực ngày 11/02/2011 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh T, số chứng thực 47, quyển số 01TP/CC-SCT/HĐGD.

Anh Nguyễn Văn T1 và chị Tô Thị C có trách nhiệm giao cho hộ gia đình nguyên đơn gồm: Bà Nguyễn Thị H, chị Đỗ Thị D, anh Đỗ Văn Đ, anh Đỗ Văn T, anh Đỗ Văn P, chị Đỗ Thị Hồng T, chị Đỗ Thị Bé E, anh Đỗ Văn G, chị Đỗ Thị Mộng N quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất 782, diện tích 7.197m^2, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 061110 cấp cho hộ ông Đõ Văn M ngày 24/01/2011 và chỉnh trang tư ngày 22/02/2012 do chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T1, chị Tô Thị C. Tài sản gắn liền với đất gồm có: Dừa từ 7-25 năm 228 cây; dừa từ 3-7 năm 29 cây; dừa từ 2-3 năm 06 cây; chuối 19 buội.

2.2. Việc giải quyết hậu quả của hợp đồng:

- Bà Nguyễn Thị H, chị Đỗ Thị D, anh Đỗ Văn Đ, anh Đỗ Văn T, anh Đỗ Văn P, chị Đỗ Thị Hồng T, chị Đỗ Thị Bé E, anh Đỗ Văn G, chị Đỗ Thị Mộng N có trách nhiệm giao trả cho anh Nguyễn Văn T1 và chị Tô Thị C số tiền 900.000.000đ *(chín trăm triệu đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Tổng chi phí bằng 6.058.514đ *(sáu triệu không trăm năm mươi tám nghìn năm trăm mười bốn đồng)* mỗi bên phải chịu ½. Số tiền này chị Đỗ Thị D, anh Đỗ Văn Đ, anh Đỗ Văn T, chị Đỗ Thị Hồng T đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong. Cơ quan thi hành án dân sự thu số tiền 3.029.257đ *(ba triệu không trăm hai mươi chín nghìn hai*

trăm năm mươi bảy đồng) từ anh Nguyễn Văn T1 và chị Tô Thị C để hoàn trả lại cho chị D, anh Đ, anh T và chị T.

2.4. Về chi phí giám định:

Tổng chi phí bằng 2.430.000đ *(hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)* mỗi bên phải chịu ½. Số tiền này chị Đỗ Thị D, anh Đỗ Văn Đ, anh Đỗ Văn T, chị Đỗ Thị Hồng T đã nộp tạm trước và đã chi xong. Cơ quan thi hành án dân sự thu số tiền 1.215.000đ *(một triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng)* từ anh Nguyễn Văn T1 và chị Tô Thị C để hoàn trả lại cho chị D, anh Đ, anh T và chị T.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí không có giá ngạch: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Tô Thị C phải chịu số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

- Án phí có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị H, chị Đỗ Thị D, anh Đỗ Văn Đ, anh Đỗ Văn T, anh Đỗ Văn P, chị Đỗ Thị Hồng T, chị Đỗ Thị Bé E, anh Đỗ Văn G và chị Đỗ Thị Mộng N phải chịu số tiền 39.000.000đ *(ba mươi chín triệu đồng)*. Số tiền tạm ứng án phí do các nguyên đơn đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003871 ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T được khấu trừ vào số tiền phải chịu. Bà H, chị D, anh Đ, anh T, anh P, chị T, chị E, anh G và chị Mộng N còn phải nộp thêm 38.700.000đ *(ba mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Lực